

Số: 0119/CV-TCKT

(V/v: Giải trình chênh lệch số liệu BCTC năm 2017 giữa KTNN và Kiểm toán độc lập. Giải trình lợi nhuận năm 2018 giảm hơn 10% so với năm 2017)

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2019.



**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Sông Đà 6.

Căn cứ vào Biên bản kiểm toán nhà nước về báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2017 của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 ký ngày 15/10/2018.

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty cổ phần Sông Đà 6.

Công ty Cổ phần Sông Đà 6 xin được giải trình về việc chênh lệch giữa số liệu đầu năm trên báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 so với số liệu đầu năm đã công bố trong các kỳ trước và giải trình việc lợi nhuận năm 2018 giảm hơn 10% so với lợi nhuận năm 2017 như sau:

**I/ Số liệu kết quả kinh doanh đầu năm 2018 đã công bố chênh lệch so với kỳ công bố này:**

**1. Bảng cân đối kế toán**

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu kiểm toán đã công bố	Số liệu kiểm toán nhà nước	Chênh lệch
	<b>TÀI SẢN</b>				
	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>1.172.999.115.290</b>	<b>1.136.465.238.885</b>	<b>(36.533.876.405)</b>
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	661.669.070.805	624.982.889.452	(36.686.181.353)
2	Phải thu ngắn hạn khác	136	13.185.909.012	13.322.478.510	136.569.498
3	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(35.899.835.604)	(35.899.835.601)	15.735.450
	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>302.051.561.790</b>	<b>338.767.437.342</b>	<b>36.715.875.552</b>
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	168.112.347.625	204.798.528.978	36.686.181.353
2	Giá trị hao mòn lũy kế	223	(335.018.297.325)	(334.801.320.717)	216.976.608
3	Đầu tư tài chính dài hạn	250	2.512.938.603	2.325.656.194	(187.282.409)
4	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.451.090.909	4.042.000.000	(409.090.909)
5	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(1.938.152.306)	(1.716.343.806)	221.808.500
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>1.475.050.677.080</b>	<b>1.475.232.676.227</b>	<b>181.999.147</b>

NGUỒN VỐN					
	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>989.167.487.268</b>	<b>989.889.892.488</b>	<b>722.405.220</b>
1	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	16.391.189.806	17.113.595.026	722.405.220
2	Phải trả người lao động	314	41.193.891.722	48.183.234.650	6.989.342.928
3	<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>319</b>	<b>84.201.191.801</b>	<b>77.211.848.873</b>	<b>(6.989.342.928)</b>
	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>485.883.189.812</b>	<b>485.342.783.739</b>	<b>(540.406.073)</b>
1	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	31.500.541.432	30.960.135.359	(540.406.073)
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.475.050.677.080</b>	<b>1.475.232.676.227</b>	<b>181.999.147</b>

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu kiểm toán đã công bố	Số liệu kiểm toán nhà nước	Chênh lệch
1	Giá vốn hàng bán	11	791.299.687.224	791.082.710.616	(216.976.608)
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20	153.490.393.200	153.707.369.808	216.976.608
3	Chi phí tài chính	22	45.82.481.276	45.269.763.685	187.282.409
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	81.013.098.269	80.997.362.819	(15.735.450)
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	36.875.842.009	39.921.271.658	45.429.649
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	50	40.037.348.503	40.082.778.152	45.429.649
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8.536.807.071	9.122.642.793	585.835.722
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	31.500.541.432	30.960.135.359	(540.406.073)

## 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

TT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu kiểm toán đã công bố	Số liệu kiểm toán nhà nước	Chênh lệch
1	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	221.814.652.782	221.814.682.782	30.000
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(116.442.790.132)</b>	<b>(116.442.820.132)</b>	<b>30.000</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>28.882.857.093</b>	<b>28.882.887.093</b>	<b>30.000</b>

### Lý do chênh lệch:

- Tổng cộng tài sản tăng 181.999.147 đồng: Đoàn kiểm toán nhà nước xác định lại các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, Phải thu ngắn hạn khác, Dự phòng các khoản phải thu khó đòi, các khoản phải thu dài hạn, Giá trị hao mòn TSCĐ hữu hình, Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

- Tổng cộng nguồn vốn tăng 181.999.147 đồng: Đoàn kiểm toán nhà nước điều chỉnh tăng thuế và các khoản phải nộp nhà nước, điều chỉnh giảm khoản phải trả ngắn hạn và tăng



Phải trả người lao động do đơn vị treo chưa đúng bản chất khoản tiền lương phải trả người lao động làm tăng chi phí thuế TNCN phải nộp.

- Chi phí tài chính tăng do đơn vị đã hạch toán phí ủy thác đầu tư của TCT Sông Đà vào giá gốc là không phù hợp, đồng thời giảm chi phí trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trên giá gốc của khoản đầu tư vào Công ty CP ĐT PT Vân Phong. Điều chỉnh chi phí quản lý **doanh nghiệp giảm do đơn vị trích lập dự phòng khoản thiếu đối chiếu công nợ**, đồng thời điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán năm làm tăng lợi nhuận trước thuế TNDN số tiền 585.835.722 đồng. Xác định thuế TNDN phải kê khai bổ sung số tiền là 585.835.722 đồng, tăng lợi nhuận sau thuế TNDN số tiền là 540.406.073 đồng.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chênh lệch do trong quá trình lên báo cáo đơn vị đã xảy ra sai sót đánh nhầm số dẫn đến chênh lệch 30.000 đồng.

## II/ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 giảm hơn 10% so với năm 2017:

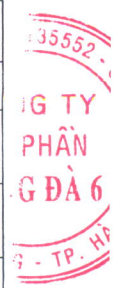
STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ
A	B	1	2	3=2/1
1	Tổng doanh thu	959.333.110.613	641.721.275.734	66,9%
2	Tổng chi phí	919.250.332.461	629.780.914.245	68,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	40.082.778.152	11.940.361.489	29,8%
4	Lợi nhuận sau thuế	30.960.135.359	9.712.214.322	31,4%

Trong năm 2018, Công ty cổ phần Sông Đà 6 tập trung thi công xây dựng ở các công trình như: Công trình thủy điện Nậm Ban 1, thủy điện Đồng Văn, thủy điện Sông Chò 2, thủy điện Sứ Pán 1, thủy điện Sông Mã 3, thủy điện Nậm Cúm 4, khai thác đá vôi cung cấp cho Nhà máy xi măng Hạ Long, Công trình thủy điện Bản Hồ, thủy điện Nậm Lúc và thi công Tòa nhà CT3 - Nhà ở thương mại phục vụ tái định cư Đại Kim . Cuối năm 2018 Công ty triển khai thi công Công trình thủy điện Nậm Theun 1 tại Lào và Công trình nhà ở The Mannor.

Tiếp tục công tác hoàn thiện, quyết toán bàn giao Gói thầu XL1, XL2 Công trình Nhà Quốc Hội, thủy điện Đồng Nai 5, thủy điện Xekaman 3, thủy điện Huội Quảng, thủy điện Lai Châu, thủy điện Nậm Chiến, thủy điện Xekaman 1, công trình Đường sắt trên cao tuyến Cát Linh - Hà Đông, hoàn thiện bàn giao Tòa nhà 32T-HH6 (Golden An Khánh).

Ban lãnh đạo điều hành Công ty thường xuyên chỉ đạo sát sao nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong công tác nghiệm thu thanh toán và thu tiền về tài khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã triển khai việc rút gọn bộ máy quản lý tại các Chi nhánh trực thuộc công ty thành các Ban điều hành và Ban chỉ huy công trường nhằm giảm bớt các chi phí. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 giảm 68,6% so với cùng kỳ năm 2017, nguyên nhân do:

+ Trong năm 2018 do ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt, xảy ra lũ lụt trên nhiều địa bàn cả nước dẫn đến việc Công ty phải tạm dừng sản xuất một loạt các dự án ảnh hưởng lũ



✓

cao như: Thủy điện Pắc Ma, thủy điện Bản Hồ, thủy điện Nậm Ban, thủy điện Sứ Pán 1, thủy điện Trung Xuân. Việc dừng sản xuất tại các công trường đã gây ảnh hưởng rất lớn đến các chi phí như tiền lương chờ việc, chi phí quản lý, chi phí sửa chữa xe máy thiết bị... mà công ty phải bù đắp trong thời gian dừng thi công, không có đầu thu.

+ Trong năm 2018 các Công trình lớn Công ty thi công đã đi vào giai đoạn hoàn thiện bàn giao cho Chủ đầu tư như Gói thầu XL1, XL2 Công trình nhà Quốc Hội, các công trình thủy điện Lai Châu, thủy điện Huội Quảng, thủy điện Nậm Chiến, thủy điện Đồng Nai 5, thủy điện Sông Chồ, thủy điện Sông Lô 2, thủy điện Xekaman 3 và Xekaman 1 tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân Dân Lào, Công trình nhà 32T-HH6 An Khánh. Công tác nghiệm thu thanh toán không đạt tiến độ đề ra nên giá trị dở dang lớn, các khoản công nợ chờ quyết toán và chờ bảo hành tăng lên làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, phát sinh tăng chi phí tài chính của Công ty.

+ Chính sách bảo hiểm xã hội, tiền lương của nhà nước thay đổi dẫn đến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng nhưng lại không làm tăng sản lượng, việc này cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua. Bên cạnh đó việc Công ty hiện nay chủ yếu thi công các công trình đấu thầu có biên lợi nhuận thấp hơn các công trình chỉ định thầu trước đây dẫn đến lợi nhuận năm 2018 của Công ty bị sụt giảm rất nhiều so với năm 2017.

**Trân trọng báo cáo!**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- Lưu TCKT, TCNS